

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13-01-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con  
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ái Duy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Ngọc Đình

2. Bà Nguyễn Thị Phương

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phương Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 185/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Ngọc Lệ D, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Số 18A/6 ấp C, xã A, huyện C, tỉnh L (có mặt).

***- Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn C sinh năm: 1982. Địa chỉ: Số 311/7 ấp C, xã A, huyện C, tỉnh L (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 10 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Lệ D trình bày:* Bà và ông Nguyễn Văn C chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh L vào ngày 05/3/2008. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2021 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về nuôi con chung: Bà và ông C có hai người con chung tên Nguyễn Hoàng Ch, sinh ngày 18/7/2008 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 30/5/2012, hiện nay con chung do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ông Nguyễn Văn C là bị đơn trình bày:* Qua lời trình bày của bà D về điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nay bà D yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có hai người con chung như bà D trình bày, hiện nay con chung do vợ chồng trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Ch, sinh ngày 18/7/2008, giao con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 30/5/2012 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Ông yêu cầu chia giá trị tài sản chung là kho thanh long được xây dựng trên đất thuê và xưởng cơ khí, hiện các tài sản trên do ông quản lý sử dụng. Tại phiên tòa ông không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

Về nợ chung: Ông cam kết vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Ngọc Lệ D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn C, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn C cư trú tại huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Lệ D và ông Nguyễn Văn C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh L theo giấy đăng ký kết hôn số 30/2008 vào ngày 05/3/2008 nên quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông C là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông C đã phát sinh mâu thuẫn, hai đương sự không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà D yêu cầu ly hôn, ông C cũng đồng ý vì hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho ly hôn giữa bà D và ông C.

[3] Về nuôi con chung: Bà D và ông C có hai người con chung tên là Nguyễn Hoàng Ch, sinh ngày 18/7/2008 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 30/5/2012.

Bà D yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Ông C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Ch, sinh ngày 18/7/2008, giao con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 30/5/2012 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Xét thấy, hiện tại hai con chung do bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Để không ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của hai con chung cũng như nguyện vọng của các con chung mong muốn được sống cùng với mẹ. Do đó, cần giao hai con chung cho bà D được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà D không yêu cầu ông C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung: Bà D khai trình bà và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo nội dung biên bản hòa giải ngày 10/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, ông C xác định vợ chồng có tài sản chung cần chia là giá trị tài sản kho thanh long được xây dựng trên đất thuê và xưởng cơ khí, hiện các tài sản trên do ông quản lý sử dụng và Tòa án đã ấn định thời gian cho ông thông qua thông báo số 19/TB-TA ngày 10/12/2021 để ông nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung và cung cấp tài liệu chứng cứ kèm theo để Tòa án xem xét. Tuy nhiên, đã hết thời gian quy định mà ông C không thực hiện quyền yêu cầu chia tài sản khi ly hôn và tại phiên tòa ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là bà Nguyễn Ngọc Lệ D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Ngọc Lệ D và ông Nguyễn Văn C.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Hoàng Ch, sinh ngày 18/7/2008 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 30/5/2012 cho bà Nguyễn Ngọc Lệ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Văn C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc Lệ D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007600 ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo bản án 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh LA;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã A, huyện C, tỉnh L;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Ái Duyệt**